

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN, nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ 6 tháng đầu năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ) 6 tháng đầu năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên - (Có biểu số 75 kèm theo)

Hình thức công khai: Đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính và Trưởng các phòng nghiệp vụ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Đường bộ Việt Nam;
 - Trang Thông tin điện tử Sở XD tỉnh TN;
 - Lưu: VT, KHTC.
- (Tuyetpta/2026/QĐ)

GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Anh

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
6 tháng đầu năm 2026

(Phụ biểu kèm theo Quyết định số 440./QĐ-SXD ngày 14/7/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành 1 số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

ĐVT: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3,6,9 tháng, năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi nộp NS phí lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	0			
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0		
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	0	0		0
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0		
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi NSNN	23.906.119	18.196.388	76	23
I	Nguồn ngân sách trong nước	23.906.119	18.196.388	76	23
1	Chi quản lý hành chính	0	0		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển KH công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế	23.906.119	18.196.388	76	23
6.1	KP nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên	23.906.119	18.196.388	76	23
	<i>-Kinh phí quản lý, bảo trì hệ thống đường quốc lộ</i>	23.906.119	18.196.388	76	23
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
	KP nhiệm vụ thường xuyên				
	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
	KP nhiệm vụ thường xuyên				
	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn				
	KP nhiệm vụ thường xuyên				
	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
	KP nhiệm vụ thường xuyên				
	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				